

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 100/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 07-8-2018

V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị T Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hươn.

2. Bà Lê Thị Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Nhật Lệ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 202/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2018 về “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đinh Thái H, sinh năm 1988

Địa chỉ: tổ A, ấp PH, xã PT, huyện LD, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Tạm trú: ấp B, xã AV, huyện TB, tỉnh Đồng Nai

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1986

Địa chỉ: Q20, tổ 3, ấp PH, xã PT, huyện LD, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Chỗ ở hiện nay: tổ C, ấp D, xã BC, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện ngày 09/3/2018, các lời khai có tại hồ sơ vụ án và tại phiên Tòa, nguyên đơn anh Đinh Thái H trình bày:

Anh và chị T quen biết chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND xã PT, huyện LD, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp giấy chứng nhận kết hôn số 64 quyền số 02/2013 ngày 14/5/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, mấy năm gần đây thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không phù hợp nên thường xuyên xảy ra tranh cãi, cuộc sống chung không hạnh phúc, vợ chồng ly thân từ tháng 6/2017 đến nay có hòa giải nhưng không đoàn tụ được. Nay anh xác định tình cảm không còn nên yêu cầu ly hôn với chị T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Đinh Thanh T, sinh ngày 06/4/2015.

Hiện nay cháu T đang do chị T nuôi dưỡng, ly hôn anh yêu cầu giao con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn chị Nguyễn Thị T vắng mặt không có lý do

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn, thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đảm bảo khách quan, toàn diện và dân chủ trong tranh tụng. Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ theo luật định, bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo luật định.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Theo chứng cứ có tại hồ sơ thể hiện hôn nhân giữa anh H, chị T là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 8/2017, không có biện pháp đoàn tụ. Cho thấy mục đích hôn nhân giữa anh H và chị T không đạt. Vì vậy, anh H yêu cầu ly hôn chị T là có căn cứ, nên đề nghị Tòa án căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 cho anh H được ly hôn chị T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Đinh Thanh T, sinh ngày 06/4/2015. Ly hôn anh H yêu cầu giao cháu T cho chị T nuôi dưỡng, anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng. Xét hiện chị T đang nuôi dưỡng con chung, vì vậy để đảm bảo sự ổn định cho trẻ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Nguyễn Thị T đã được tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ

luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Xét hôn nhân giữa anh H, chị T xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã PT, huyện LD, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đúng quy định pháp luật, theo giấy chứng nhận kết hôn số 64 quyền số 02/2013 ngày 14/5/2014 nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Theo lời khai anh H trong thời gian chung sống, anh chị có phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp và đã sống ly thân từ tháng 6/2017 đến nay, có bàn bạc nhưng không có khả năng đoàn tụ.

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho chị T nhưng chị T không chấp hành tổng đạt của Tòa án nên không có lời khai và không tiến hành hòa giải được. Cho thấy chị T không có trách nhiệm với mối quan hệ hôn nhân với anh H.

Qua xác minh tại địa phương và làm việc với mẹ ruột chị T là bà Nguyễn Thị S thì được biết, sau khi kết hôn cuộc sống chung với gia đình chồng không hòa hợp nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, chị T bế con về nhà mẹ ruột sống hai ba lần và ly thân anh H từ tháng 6/2017 cho đến nay, phù hợp với lời khai anh H. Do đó, xét quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị T đã mâu thuẫn trầm trọng, thời gian ly thân kéo dài từ tháng 6/2017 đến nay không bàn bạc đoàn tụ được. Vì vậy, việc anh H yêu cầu được ly hôn chị T là hoàn toàn có cơ sở nên chấp nhận.

Về con chung: Có 01 con chung tên Đinh Thanh T, sinh ngày 06/4/2015. Xét hiện tại do chị T nuôi dưỡng. Vì vậy để đảm bảo sự ổn định của trẻ. Ly hôn anh H yêu cầu giao con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng là phù hợp khả năng và chi phí thiết yếu của trẻ nên chấp nhận.

Khi cần thiết các đương sự có quyền xin thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét.

[3] Về án phí: Chị T không phải chịu án phí. Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56 và Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Đinh Thái H đối với bị đơn chị Nguyễn Thị T về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”. Xử cho anh Đinh Thái H được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

2/ Về con chung: Có 01 con chung tên Đinh Thanh T, sinh ngày 06/4/2015. Xử giao cho chị Nguyễn Thị T được quyền nuôi dưỡng cháu Đinh Thanh T.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đ (Một triệu năm trăm ngàn đồng).

Nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt thực hiện theo quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình.

Anh Đinh Thái H có nghĩa vụ và có quyền thăm nom con không ai được cản trở. Trừ trường hợp anh H lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án quyết định hạn chế quyền thăm nom con của anh H.

Khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4/ Về án phí: Anh Đinh Thái H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 002053 ngày 30/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, anh H đã nộp đủ án phí.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh H chưa thi hành xong số tiền cấp dưỡng hàng tháng nêu trên thì còn phải trả thêm cho chị T khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành.

5/ Anh Đinh Thái H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai (1),
- VKSND h. Long Thành (1),

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Chi cục THADS h. Long Thành (1),
- UBND xã PT (1);
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai (1);
- Đường sự (2),
- Lưu (3).

Nguyễn Thị T Hà

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Hươn - Lê Thị Dung

Nguyễn Thị T Hà